

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2018/HS-ST
Ngày 31- 8- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Trung
2. Bà Đặng Thị Lan Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa:
Bà Lâm Thị Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Lương Văn N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 6 năm 1988 tại huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn Y, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Cao Lan; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lương Văn T, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 26/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái ra Quyết định số 207/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” với thời hạn 03 tháng, kể từ ngày 26/12/2017 đến ngày 26/3/2018; Nhân thân: Năm 2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Đã được xóa tiền sự), Ngày 13/5/2011 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y ra quyết định số 1029/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc (cai nghiện ma túy) với thời hạn 24 tháng, đến ngày 13/5/2013 chấp hành xong (Đã được xóa tiền sự).

Bị cáo bị tạm giữ ngày 18/7/2018, tạm giam ngày 24/7/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- Bị hại: Bà Phan Thị Kim D

Nơi cư trú: Thôn 8, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hiệp H; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Phạm Văn H; Nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn C; Nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Tuấn T; Nơi cư trú: Thôn 8, xã K, huyện L, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 12/7/2018, Lương Văn N đang ngồi uống nước tại quán nước của ông Phạm Văn C ở khu vực km 9, thuộc tổ 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái thì thấy bà Phan Thị Kim D cùng ông Nguyễn Tuấn T đến uống nước. Sau đó, ông T ra xe mô tô để buộc lại đồ đạc, bà D để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J5 (sau ốp lưng điện thoại có số tiền 50.000 đồng) trên bàn uống nước rồi đi vệ sinh. N quan sát xung quanh không thấy ai để ý nên đã sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của bà D bán lấy tiền tiêu sài. Lương Văn N đi đến bàn uống nước dùng tay phải cầm lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần rồi ra đường đón xe ôm của ông Phạm Văn H đến quán sửa chữa, mua bán điện thoại di động của ông Nguyễn Hiệp H tại thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái bán chiếc điện thoại cho ông H với giá là 800.000 đồng. N tháo ốp lưng điện thoại lấy 50.000 đồng và ứng trước của ông H 30.000 đồng để trả tiền xe ôm cho ông H Số tiền bán điện thoại còn lại Lương Văn N đã tiêu sài hết. Đến ngày 18/7/2018 Lương Văn N đã đến đầu thú tại Cơ quan Công an.

Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 19/7/2018 kết luận: Chiếc điện thoại có trị giá là 2.400.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ và trao trả cho bị hại là bà Phan Thị Kim D 01 chiếc điện thoại. Ông Phạm Văn H đã tự nguyện nộp lại số tiền 80.000 đồng do N trả tiền công xe ôm, sau đó bà D đã tự nguyện trả cho ông Phạm Văn H số tiền 80.000 đồng.

Cáo trạng số 29/CT-VKS- YB ngày 20/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình đã truy tố Lương Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền: 800.000 đồng. Về vật chứng và án phí tuyên theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân như đã nêu trên, không có ý kiến tranh luận gì và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc thu thập các tài liệu, chứng cứ trong vụ án đã đầy đủ, đảm bảo hợp pháp, khách quan.

[2] Lời khai của bị cáo Lương Văn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận định giá tài sản, kết luận giám định, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như vật chứng đã thu giữ. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Ngày 12-7-2018 tại quán nước của ông Phạm Văn C ở khu vực km 9, thuộc tổ 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Lương Văn N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG J5, có trị giá là: 2.400.000 đồng và 50.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của bà Phan Thị Kim D. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 2.450.000 đ (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình truy tố đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong cộng đồng dân cư, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, việc đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật là cần thiết.

[4] Xét tính chất, mức độ, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức để điều chỉnh mọi hành vi hoạt động của bản thân. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, đã từng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã và đưa vào cơ sở cai nghiện; để có tiền phục vụ nhu cầu bất chính của bản thân, bị cáo đã phạm tội, thể hiện ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện của bản thân bị cáo là rất kém nên cần có hình phạt tương xứng và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đầu thú và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là bà Phan Thị Kim D xác nhận đã nhận lại 01 chiếc điện thoại do bị cáo chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản gì khác; trong số tiền 80.000 đồng thu giữ của ông Phạm Văn H, có 50.000 đồng là tiền lộc của bà, bà đề nghị được nhận lại. Số tiền 80.000 đồng bà D đã tự nguyện trả cho ông Phạm Văn H bà không yêu cầu bị cáo hoàn trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hiệp H có yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông số tiền đã mua chiếc điện thoại do bị cáo trộm cắp là: 800.000 đồng. Xét yêu cầu của ông H là có căn cứ, cần chấp nhận

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng nghiện, không có nghề nghiệp, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Đối với số tiền 80.000 đồng, cơ quan Công an thu giữ của ông Phạm Văn H, trong đó có 50.000 đồng gồm 03 tờ có mệnh giá 10.000 đồng, có đánh dấu ký hiệu kiểu chữ nho và 01 tờ có mệnh giá 20.000 đồng (là tiền N chiếm đoạt của bà D) nên cần trả lại cho bà D. Số tiền 30.000 đồng trả lại cho bị cáo.

[8] Đối với ông Nguyễn Hiệp H đã mua chiếc điện thoại của bị cáo và ông Phạm Văn H là người chở bị cáo đi bán điện thoại. Do ông H, ông H không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không đặt vấn đề xử lý đối với những người này là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 18/7/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 131, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lương Văn N phải hoàn trả cho ông Nguyễn Hiệp H số tiền: 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Xử lý vật chứng tại biên bản giao nhận vật chứng giữa Chi cục Thi hành án và Công an huyện Yên Bình ngày 22-8-2018 như sau:

- Trả lại cho bà Phan Thị Kim D số tiền 50.000 đồng (Trong đó có 03 tờ có mệnh giá 10.000 đồng, có đánh dấu ký hiệu kiểu chữ nhỏ và 01 tờ có mệnh giá 20.000 đồng được niêm phong trong 01 phong bì do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành).

- Trả lại cho bị cáo Lương Văn N số tiền 30.000 đồng.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Lương Văn N phải nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKS Yên Bình;
- Công an Yên Bình;
- THADS Yên Bình;
- Bị cáo; người bị hại; Người liên quan;
- Lưu HS, THA, TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga

